Người ký: NGUYỄN VĂN LONG
Thời gian ký: 14.08.2024 16:47:38 +07:00

Mẫu số 02

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số: 3082/TVĐ3-VP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) bán niên đã được soát xét năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TV3
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 2221 0973 Fax: (028) 3930 7938
- Email: pecc3@pecc3.com.vn Website: www.pecc3.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có ☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có ☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 14/8/2024 tại đường dẫn: https://www.pecc3.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2024: Không.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC bán niên đã được soát xét năm 2024;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT

Nguyễn Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024
đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Tháng 8 năm 2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 34

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lạc Thái Phước	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Bà Tô Thị Mỹ Hằng	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên (Miễn nhiệm từ ngày 27 tháng 6 năm 2024)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lạc Thái Phước - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

M.S.D.N: 0301475102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319, Số 63 Lê Văn Lương
P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel: (84-24) 3577 0781/ Fax: (84-24) 3577 0787
Website: www.vaco.com.vn

Số: 278 /VACO/BCSX.NV2

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (gọi chung là "Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của Công ty thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính tổng hợp giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Văn Phòng Hồ Chí Minh
Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel: (84-28) 3840 6618 - Fax: (84-28) 3840 6616

Văn Phòng Đồng Nai
Số 79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai
Tel: (84-251) 382 8560 - Fax: (84-251) 382 8560

Văn Phòng Bình Dương
Số 12 đường số 5, tổ 19
Khu 3, P. Chánh Nghĩa
TP. Thủ Dầu Một, T. Bình Dương

BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 33, phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Kết luận soát xét của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.

M.S.D.N: 0102546886 - C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0517-2023-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**122.547.650.158**	**178.379.172.634**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**13.060.464.125**	**26.229.294.323**
1. Tiền	111		5.060.464.125	16.229.294.323
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.000.000.000	10.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**220.790.000**	**220.790.000**
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**61.196.790.603**	**111.295.846.049**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	76.896.238.914	134.506.140.070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	2.450.451.400	6.087.423.480
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	10.306.055.492	3.825.954.801
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(28.455.955.203)	(33.123.672.302)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**10**	**45.309.933.583**	**39.916.171.590**
1. Hàng tồn kho	141		45.309.933.583	39.916.171.590
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**2.759.671.847**	**717.070.672**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.279.302.216	717.070.672
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.299.874.765	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	12	180.494.866	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**104.043.462.349**	**105.570.317.593**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**36.227.481.498**	**35.648.088.819**
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	35.744.481.498	35.165.088.819
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	483.000.000	483.000.000
II. Tài sản cố định	**220**		**13.859.653.900**	**15.386.676.290**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	5.610.811.217	6.904.291.767
- Nguyên giá	*222*		*57.801.004.100*	*57.801.004.100*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(52.190.192.883)*	*(50.896.712.333)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	8.248.842.683	8.482.384.523
- Nguyên giá	*228*		*21.284.885.526*	*21.284.885.526*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(13.036.042.843)*	*(12.802.501.003)*
III. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**5**	**53.150.000.000**	**53.150.000.000**
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	**260**		**806.326.951**	**1.385.552.484**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	806.326.951	1.385.552.484
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**226.591.112.507**	**283.949.490.227**

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**78.312.573.815**	**134.520.751.240**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**78.312.573.815**	**134.520.751.240**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	7.960.282.564	16.427.812.841
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	24.928.847.633	25.355.058.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	151.391.705	5.822.375.573
4. Phải trả người lao động	314		4.031.633.442	38.974.249.265
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	1.754.838.040	3.913.450.787
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	9.926.706.094	17.410.631.737
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	22.862.312.670	21.086.459.781
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		6.696.561.667	5.530.713.107
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**148.278.538.692**	**149.428.738.987**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**20**	**148.278.538.692**	**149.428.738.987**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	95.173.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*95.173.030.000*	*95.173.030.000*
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		35.530.000.000	31.082.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.575.648.692	23.173.848.987
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*17.019.848.987*	*8.879.507.823*
- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*555.799.705*	*14.294.341.164*
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**226.591.112.507**	**283.949.490.227**

Lạc Thái Phước	**Phạm Hoàng Vinh**	**Nguyễn Trần Phương Thúy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**		**50.004.705.077**	**48.018.426.539**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	7.773.897
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**23**	**50.004.705.077**	**48.010.652.642**
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	43.935.454.500	31.174.563.714
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**6.069.250.577**	**16.836.088.928**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	7.747.076.534	301.175.733
7. Chi phí tài chính	22	27	744.792.122	902.651.694
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*351.383.493*	*302.773.236*
8. Chi phí bán hàng	25	28	2.039.673.546	4.358.970.168
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	9.775.738.911	14.337.227.825
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	**30**		**1.256.122.532**	**(2.461.585.026)**
11. Thu nhập khác	31		442.410.443	653.883.021
12. Chi phí khác	32		508.661.960	505.006.283
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(66.251.517)**	**148.876.738**
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**1.189.871.015**	**(2.312.708.288)**
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	634.071.310	439.575.893
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	155.297.352
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	**60**		**555.799.705**	**(2.907.581.533)**
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	58	(306)

M.S.D.N: 0301475102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lạc Thái Phước	**Phạm Hoàng Vinh**	**Nguyễn Trần Phương Thúy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	***01***	***1.189.871.015***	***(2.312.708.288)***
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.527.022.390	984.590.013
- Các khoản dự phòng	03	(4.667.717.099)	(2.003.567.701)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(72.654.549)	(28.769.775)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.619.914.649)	(263.764.248)
- Chi phí lãi vay	06	351.383.493	302.773.236
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	***08***	***(9.292.009.399)***	***(3.321.446.763)***
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	53.098.838.277	53.825.315.292
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(5.393.761.993)	(9.293.257.491)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(54.773.090.473)	(43.603.343.103)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	16.993.989	194.577.051
- Tiền lãi vay đã trả	14	(351.383.493)	(302.773.236)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.471.073.008)	(299.476.711)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(540.151.440)	(1.423.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	***20***	***(19.705.637.540)***	***(4.224.104.961)***
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(319.986.000)	(415.400.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.632.836.871	262.766.526
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	***30***	***7.312.850.871***	***(152.633.474)***
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	19.188.048.642	15.660.713.725
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(17.412.195.753)	(17.078.222.688)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.552.708.925)	(33.267.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	***40***	***(776.856.036)***	***(1.450.775.963)***
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**(13.169.642.705)**	**(5.827.514.398)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**26.229.294.323**	**17.305.776.510**
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	812.507	46.188.171
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	**70**	**13.060.464.125**	**11.524.450.283**

Lạc Thái Phước	**Phạm Hoàng Vinh**	**Nguyễn Trần Phương Thúy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty đã niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 405 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 410 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sàn xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

2. KỲ KẾ TOÁN, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (Tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính giữa niên độ của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên, chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

a) Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
b) Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;
c) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí phần mềm: Chi phí phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tài, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ khi phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độvà được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Bên liên quan	**Mối quan hệ**
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH VP INVEST	Cổ đông lớn
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối	Cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát	Quản lý chủ chốt

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	455.686.540	1.668.482.444
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	4.604.777.585	14.560.811.879
Các khoản tương đương tiền	8.000.000.000	10.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	*8.000.000.000*	*10.000.000.000*
Cộng	**13.060.464.125**	**26.229.294.323**

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Chứng khoán kinh doanh	**220.790.000**	**1.838.906.550**	-	**220.790.000**	**1.350.488.700**	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.838.906.550	-	220.790.000	1.350.488.700	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	**53.150.000.000**		-	**53.150.000.000**		-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	7.119.000.000	-	3.150.000.000	7.812.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Cộng	**53.370.790.000**		-	**53.370.790.000**		-

Ghi chú:

(i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 30 tháng 6 năm 2024.

(iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng Vốn điều lệ.

(*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc kỳ kế toán cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tư hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***76.896.238.914***	***134.506.140.070***
a1) Bên liên quan	***55.600.302.173***	***82.258.332.693***
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.481.280.728	19.457.049.128
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	9.555.247.857	22.908.527.147
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	7.479.924.101	6.518.900.365
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	4.510.961.665	4.510.961.665
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	4.495.485.171	4.495.485.171
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	3.278.807.312	7.612.040.431
Ban Quản lý dự án Điện 3	2.364.917.077	-
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	2.298.010.334	1.326.366.807
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	688.219.031	11.835.120.856
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	419.980.906	1.760.458.303
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	395.185.087	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	184.328.545	-
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	183.987.000	-
Ban Quản lý dự án Điện 2	170.953.018	558.906.600
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	93.014.341	93.014.341
Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	684.951.001
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	-	417.924.360
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	-	78.626.518
a2) Đối tượng khác	***21.295.936.741***	***52.247.807.377***
Công ty TNHH LEGO Manufacturing Việt Nam	-	13.832.994.394
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	9.538.527.272	9.538.527.272
Khác	11.757.409.469	28.876.285.711
b) Dài hạn	***35.744.481.498***	***35.165.088.819***
b1) Bên liên quan	***24.438.858.485***	***24.388.448.711***
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	9.892.668.806	9.604.728.943
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	2.938.150.215	4.025.016.390
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	2.672.435.974	2.419.723.282
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.053.835.487	2.053.835.487
Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.408.264.447
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.240.572.263	1.159.247.658
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	748.593.427	748.593.427
Ban Quản lý dự án Điện 2	761.082.842	702.180.988
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	428.838.511	428.838.511
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	342.629.670	-
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	295.053.692	295.053.692
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	272.983.586	272.983.586
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	246.240.000	-
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	197.286.504
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	175.544.258	175.544.258
Công ty CP thủy điện La Ngâu	-	160.318.500
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
b) Dài hạn (Tiếp theo)		
b1) Bên liên quan (Tiếp theo)		
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia - Công ty Truyền tải Điện 4	107.680.300	107.680.300
Ban QLDA nhiệt điện 3	93.059.450	93.059.450
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	91.060.984	91.060.984
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	43.530.832	-
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	22.159.276	37.844.343
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	35.090.551	35.090.551
b2) Đối tượng khác	***11.305.623.013***	***10.776.640.108***
Khác	11.305.623.013	10.776.640.108
Cộng	**112.640.720.412**	**169.671.228.889**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP	641.443.000	641.443.000	641.443.000	641.443.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Viindoo	319.986.000	319.986.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ Trắc địa Bản đồ 24H	485.000.000	485.000.000	-	-
Công ty TNHH TVTK Xây dựng An Bình 68	400.000.000	400.000.000	-	-
Công ty CP XD và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam	-	-	2.115.000.000	2.115.000.000
Công ty TNHH Xây dựng và TTNT Bình Minh	-	-	2.022.081.080	2.022.081.080
Khác	604.022.400	604.022.400	1.308.899.400	1.308.899.400
Cộng	**2.450.451.400**	**2.450.451.400**	**6.087.423.480**	**6.087.423.480**

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***10.306.055.492***	***3.825.954.801***
Tạm ứng cho nhân viên	9.741.492.480	2.949.915.857
Khác	564.563.012	876.038.944
b) Dài hạn	***483.000.000***	***483.000.000***
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	483.000.000
Cộng	**10.789.055.492**	**4.308.954.801**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	***24.146.390.897***	***3.008.403.024***	***(21.137.987.873)***	***20.805.739.777***	***1.105.569.037***	***(19.700.170.740)***
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.481.280.728	462.708.650	(19.018.572.078)	19.392.865.364	696.300.025	(18.696.565.339)
Các bên liên quan khác	4.665.110.169	2.545.694.374	(2.119.415.795)	1.412.874.413	409.269.012	(1.003.605.401)
b) Các đối tượng khác	***18.474.516.279***	***11.156.548.949***	***(7.317.967.330)***	***19.829.607.009***	***6.406.105.447***	***(13.423.501.562)***
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	9.538.527.272	9.538.527.272	-	9.538.527.272	3.729.763.636	(5.808.763.636)
Các khách hàng khác	8.935.989.007	1.618.021.677	(7.317.967.330)	10.291.079.737	2.676.341.811	(7.614.737.926)
Cộng	**42.620.907.176**	**14.164.951.973**	**(28.455.955.203)**	**40.635.346.786**	**7.511.674.484**	**(33.123.672.302)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Số đầu năm	**33.123.672.302**	**30.321.126.434**
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.667.717.099)	(2.003.567.701)
Số cuối kỳ	**28.455.955.203**	**28.317.558.733**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	160.640.643	-	90.598.728	-
Công cụ, dụng cụ	8.281.900	-	1.437.617	-
Chi phí SXKD dở dang	45.141.011.040	-	39.824.135.245	-
Cộng	**45.309.933.583**	**-**	**39.916.171.590**	**-**

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	***1.279.302.216***	***717.070.672***
Công cụ dụng cụ xuất dùng	46.850.543	41.782.077
Chi phí phần mềm	1.232.451.673	675.288.595
b) Dài hạn	***806.326.951***	***1.385.552.484***
Công cụ dụng cụ xuất dùng	792.334.853	1.302.231.610
Chi phí phần mềm	13.992.098	83.320.874
Cộng	**2.085.629.167**	**2.102.623.156**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải thu/ nộp trong kỳ	Số đã thu/ nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
a) Phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(180.461.014)	180.461.014
Các loại thuế, phí khác	-	-	(33.852)	33.852
Cộng	**-**	**-**	**(180.494.866)**	**180.494.866**
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	4.076.917.086	900.989.037	(4.906.283.041)	71.623.082
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.656.540.684	634.071.310	(2.290.611.994)	-
Thuế thu nhập cá nhân	88.917.803	2.362.038.085	(2.371.187.265)	79.768.623
Các loại thuế, phí khác	-	571.562.437	(571.562.437)	-
Cộng	**5.822.375.573**	**4.468.660.869**	**(10.139.644.737)**	**151.391.705**

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	**13.196.031.024**	**18.209.212.091**	**17.493.444.426**	**8.902.316.559**	**57.801.004.100**
- Mua trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**13.196.031.024**	**18.209.212.091**	**17.493.444.426**	**8.902.316.559**	**57.801.004.100**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	**9.676.536.905**	**16.733.860.805**	**16.471.443.293**	**8.014.871.330**	**50.896.712.333**
- Khấu hao trong kỳ	419.139.912	424.687.176	182.176.319	267.477.143	1.293.480.550
Số dư cuối kỳ	**10.095.676.817**	**17.158.547.981**	**16.653.619.612**	**8.282.348.473**	**52.190.192.883**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	**3.519.494.119**	**1.475.351.286**	**1.022.001.133**	**887.445.229**	**6.904.291.767**
Tại ngày cuối kỳ	**3.100.354.207**	**1.050.664.110**	**839.824.814**	**619.968.086**	**5.610.811.217**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 28.844.811.356 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.439.871.365 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	**10.257.146.572**	**11.027.738.954**	**21.284.885.526**
Số dư cuối kỳ	**10.257.146.572**	**11.027.738.954**	**21.284.885.526**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	**2.206.733.061**	**10.595.767.942**	**12.802.501.003**
- Khấu hao trong kỳ	86.223.048	147.318.792	233.541.840
Số dư cuối kỳ	**2.292.956.109**	**10.743.086.734**	**13.036.042.843**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	**8.050.413.511**	**431.971.012**	**8.482.384.523**
Tại ngày cuối kỳ	**7.964.190.463**	**284.652.220**	**8.248.842.683**

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 10.143.826.204 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.143.826.204 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 là 2.515.923.165 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.556.070.875 VND) nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 19).

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp điện Số Năm	3.390.096.000	3.390.096.000	9.496.540.000	9.496.540.000
Khác	4.570.186.564	4.570.186.564	6.931.272.841	6.931.272.841
Cộng	**7.960.282.564**	**7.960.282.564**	**16.427.812.841**	**16.427.812.841**

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Bên liên quan	***20.791.039.991***	***21.156.250.507***
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	5.675.664.235	5.810.518.235
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	4.857.901.983	3.504.311.506
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	1.384.682.223	3.743.072.742
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.076.381.926	391.937.482
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.061.368.513	1.061.368.513
Công ty Cổ phần Thủy điện Đồng Nai	773.091.900	1.120.419.900
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	596.292.000	596.292.000
Ban QLDA lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	470.625.000
Công ty Điện lực Bình Phước	467.232.000	467.232.000
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	437.500.000	437.500.000
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	349.993.607	178.647.905
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	207.613.605	207.613.605
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	250.128.000	250.128.000
CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	190.445.250	190.445.250
Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	139.812.615	-
Tổng Công ty Phát Điện 2 Công ty TNHH MTV	132.300.000	-
Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng điện 2 - Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng	157.950.900	-
Công ty CP Phát triển Điện Lực Việt Nam	100.438.263	100.438.263
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	-	34.000.000
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	-	130.082.135
b) Đối tượng khác	***4.137.807.642***	***4.198.807.642***
Khác	4.137.807.642	4.198.807.642
Cộng	**24.928.847.633**	**25.355.058.149**

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	1.754.838.040	3.913.450.787
Cộng	**1.754.838.040**	**3.913.450.787**

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.144.091.280	773.209.620
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	714.288.732	77.917.704
Phải trả cổ tức cho cổ đông	773.494.075	3.326.203.000
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	2.776.183.591	4.502.711.154
Chi phí công trình phải trả	3.641.110.216	7.913.052.059
Khác	877.538.200	817.538.200
Cộng	**9.926.706.094**	**17.410.631.737**

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (i)	12.040.927.099	12.040.927.099	14.112.397.642	(12.040.927.099)	14.112.397.642	14.112.397.642
Công đoàn Công ty (ii)	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cán bộ công nhân viên (iii)	6.045.532.682	6.045.532.682	5.075.651.000	(5.371.268.654)	5.749.915.028	5.749.915.028
Cộng	**21.086.459.781**	**21.086.459.781**	**19.188.048.642**	**(17.412.195.753)**	**22.862.312.670**	**22.862.312.670**

Ghi chú:

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất quy định theo từng giấy nhận nợ, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143.

(ii) Đây là khoản vay lại Công đoàn Công ty. Công ty và Công đoàn đơn vị đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 9 năm 2024.

(iii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2025.

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	**95.173.030.000**	**(140.000)**	**25.116.000.000**	**21.759.829.330**	**142.048.719.330**
- Lãi trong năm	-	-	-	14.827.664.157	14.827.664.157
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành	-	-	-	(2.689.000.000)	(2.689.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	5.966.000.000	(5.966.000.000)	-
Số dư đầu năm nay	**95.173.030.000**	**(140.000)**	**31.082.000.000**	**23.173.848.987**	**149.428.738.987**
- Lãi trong kỳ	-	-	-	555.799.705	555.799.705
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành (i)	-	-	-	(1.706.000.000)	(1.706.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (i)	-	-	4.448.000.000	(4.448.000.000)	-
Số dư cuối kỳ này	**95.173.030.000**	**(140.000)**	**35.530.000.000**	**17.575.648.692**	**148.278.538.692**

Ghi chú:

(i) Công ty thực hiện trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành và Quỹ đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024 số 185/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 27 tháng 6 năm 2024.

Trong kỳ, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 2.552.708.925 VND (giá trị thanh toán trong kỳ trước là 33.267.000 VND).

Cổ phiếu	**Số cuối kỳ**	**Số đầu năm**
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303	9.517.303
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303	9.517.303
- Cổ phiếu phổ thông	*9.517.303*	*9.517.303*
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- Cổ phiếu phổ thông	*14*	*14*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289	9.517.289
- Cổ phiếu phổ thông	*9.517.289*	*9.517.289*
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Vốn điều lệ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Vốn Điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	45,12%	46.427.040.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	10.315.030.000	10,02%	11.830.030.000	12,43%
Bà Bùi Thị Kim Yến	7.730.000.000	7,51%	-	0,00%
Cổ đông khác	38.430.820.000	37,35%	36.915.820.000	38,79%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
Tổng cộng	**102.903.030.000**	**100,00%**	**95.173.030.000**	**100,00%**

21. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	25.443,51	10.005,58
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.018,84	2.029,40

22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy, không trình bày thêm thông tin bộ phận.

23. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	50.004.705.077	48.018.426.539
Cộng	**50.004.705.077**	**48.018.426.539**
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	**7.773.897**
Giảm giá dịch vụ	-	7.773.897
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	**50.004.705.077**	**48.010.652.642**
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan	***27.745.679.524***	***28.148.678.873***
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	12.106.499.599	594.645.133
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	7.059.649.278	16.238.205.913
Ban QLDA Truyền tải điện	2.065.273.420	2.565.446.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.711.820.947	1.079.104.545
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Ba Hạ	1.140.000.000	1.167.019.444
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	1.014.938.644	4.179.504.111
Công ty Thủy điện Trị An	586.559.084	504.322.222
Công ty Truyền tải Điện 3	540.840.941	258.220.273
Công ty Cổ phần Đầu tư điện lực 3	379.636.364	-
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	365.912.118	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

23. DOANH THU CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan (Tiếp theo)		
Công ty Thủy điện Đồng Nai	321.600.000	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	291.121.000	-
Công ty Điện lực Bà Rịa Vũng Tàu	76.641.125	49.707.871
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	54.495.568	13.254.834
Công ty Điện lực Sài Gòn	30.691.436	-
Ban QLDA Nhiệt điện 3	-	645.000.000
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	-	314.009.182
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV	-	295.967.000
Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP	-	153.636.364
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập Đoàn Điện Lực Việt Nam	-	64.272.345
Công ty Truyền tải Điện 2	-	26.363.636

24. GIÁ VỐN DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	43.935.454.500	31.174.563.714
Cộng	**43.935.454.500**	**31.174.563.714**

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	361.411.643	370.669.573
Chi phí nhân công	23.676.394.990	28.270.322.165
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.527.022.390	984.590.013
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.341.673.882	12.224.111.755
Dự phòng	-	-
Chi phí khác	13.828.956.946	19.293.570.632
Cộng	**65.735.459.851**	**61.143.264.138**

26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	78.036.449	263.764.248
Cổ tức, lợi nhuận được chia	7.541.878.200	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	127.161.885	37.411.485
Cộng	**7.747.076.534**	**301.175.733**

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Chi phí lãi vay	351.383.493	302.773.236
Chi phí bảo lãnh	393.408.629	590.088.705
Lỗ chênh lệch tỷ giá	-	9.789.753
Cộng	**744.792.122**	**902.651.694**

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	279.829.700	282.480.900
Chi phí dịch vụ mua ngoài	472.844.537	841.291.051
Các khoản chi phí khác	1.286.999.309	3.235.198.217
Cộng	**2.039.673.546**	**4.358.970.168**
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ		
Chi phí nhân viên	4.367.939.930	4.898.709.025
Chi phí khấu hao TSCĐ	861.886.266	(25.687.957)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(4.667.717.099)	(2.003.567.701)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.525.391.574	6.466.743.633
Các khoản chi phí khác	3.688.238.240	5.001.030.825
Cộng	**9.775.738.911**	**14.337.227.825**

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	**1.189.871.015**	**(2.312.708.288)**
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	**571.630.165**	**371.934.637**
Thù lao HĐQT không chuyên trách	35.880.000	18.000.000
Tiền chậm nộp thuế	490.494.766	353.934.637
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước	45.255.399	-
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	**(7.615.357.749)**	**(28.769.775)**
Lợi nhuận cổ tức được chia	(7.542.703.200)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối kỳ này	(72.654.549)	(28.769.775)
Thu nhập chịu thuế	**(5.853.856.569)**	**(1.969.543.426)**
Thu nhập tính thuế	-	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	634.071.310	439.575.893
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	**634.071.310**	**439.575.893**

Công ty xác định thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở đánh giá lợi nhuận cho mục đích tính thuế không có sự khác biệt so với lợi nhuận kế toán. Tuy nhiên, việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong kỳ	555.799.705	(2.907.581.533)
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**555.799.705**	**(2.907.581.533)**
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bàn trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bàn trên cổ phiếu	58	(306)
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phần phổ thông của Công ty dùng để tính lãi cơ bàn trên cổ phần kỳ này chưa được trừ trích quỹ khen thưởng phúc lợi.

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	22.862.312.670	21.086.459.781
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(13.060.464.125)	(26.229.294.323)
Nợ thuần	9.801.848.545	-
Vốn chủ sở hữu	148.278.538.692	149.428.738.987
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	**0,07**	-

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.060.464.125	13.060.464.125	26.229.294.323	26.229.294.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	113.195.283.424	113.195.283.424	170.537.267.833	170.537.267.833
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.838.906.550	220.790.000	1.350.488.700
Các khoản ký quỹ	493.000.000	493.000.000	493.000.000	493.000.000
Tổng cộng	**126.969.537.549**	**128.587.654.099**	**197.480.352.156**	**198.610.050.856**
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	22.862.312.670	22.862.312.670	21.086.459.781	21.086.459.781
Phải trả người bán và phải trả khác	16.028.608.646	16.028.608.646	32.987.317.254	32.987.317.254
Chi phí phải trả	1.754.838.040	1.754.838.040	3.913.450.787	3.913.450.787
Tổng cộng	**40.645.759.356**	**40.645.759.356**	**57.987.227.822**	**57.987.227.822**

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bổ ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.060.464.125	-	-	13.060.464.125
Phải thu khách hàng và phải thu khác	77.460.801.926	35.734.481.498	-	113.195.283.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	493.000.000	-	493.000.000
Tổng cộng	**90.742.056.051**	**36.227.481.498**	**-**	**126.969.537.549**
Số cuối năm				
Các khoản vay	22.862.312.670	-	-	22.862.312.670
Phải trả người bán và phải trả khác	16.028.608.646	-	-	16.028.608.646
Chi phí phải trả	1.754.838.040	-	-	1.754.838.040
Tổng cộng	**40.645.759.356**	**-**	**-**	**40.645.759.356**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**50.096.296.695**	**36.227.481.498**	**-**	**86.323.778.193**

	Dưới 1 năm	Từ 2 - 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.229.294.323	-	-	26.229.294.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.372.179.014	35.165.088.819	-	170.537.267.833
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	483.000.000	-	493.000.000
Tổng cộng	**161.832.263.337**	**35.648.088.819**	**-**	**197.480.352.156**
Số đầu năm				
Các khoản vay	21.086.459.781	-	-	21.086.459.781
Phải trả người bán và phải trả khác	32.987.317.254	-	-	32.987.317.254
Chi phí phải trả	3.913.450.787	-	-	3.913.450.787
Tổng cộng	**57.987.227.822**	**-**	**-**	**57.987.227.822**
Chênh lệch thanh khoản thuần	**103.845.035.515**	**35.648.088.819**	**-**	**139.493.124.334**

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 06, 09, 16, 20, và 23, Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:

	Chức vụ	Kỳ này	Kỳ trước
		VND	VND
Thù lao của Hội đồng Quản trị		**825.600.000**	**1.015.400.000**
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch	214.980.000	304.980.000
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	207.180.000	207.180.000
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	183.780.000	223.680.000
Ông Trần Lê Minh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	183.780.000	243.680.000
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập	35.880.000	35.880.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		**356.731.200**	**601.770.000**
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc	356.731.200	601.770.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		**399.976.107**	**524.502.013**
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	111.753.000	239.480.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên	35.880.000	36.000.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	252.343.107	249.022.013
Cộng		**1.582.307.307**	**2.141.672.013**

33. NỢ TIỀM TÀNG

- Vụ tranh chấp về "Hợp đồng bảo hiểm":

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22 tháng 9 năm 2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó, Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy, PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trưng cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được thông báo số 2517/2024/QĐ-TCGĐ của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc trưng cầu Công ty Cổ phần Liên Doanh Tư Vấn và Xây Dựng-COFEC thực hiện giám định hồ sơ thiết kế có đảm bảo an toàn chịu lực hay không và xác định lỗi của đơn vị tư vấn (nếu có).

33. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

- Vụ tranh chấp về "Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng":

  Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy, Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng đề nghị Tòa án trưng cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

  Trong năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 1837/2023/QĐST-DS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1745/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

  Hiện nay, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vẫn đang tiến hành các buổi triệu tập các đương sự làm việc tại tòa và đang yêu cầu Nguyên đơn (Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP) nộp bổ sung các tài liệu, chứng cứ và sửa đổi Đơn khởi kiện xác định lại tư cách các đương sự và giá trị yêu cầu bồi thường.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được kết quả giám định và thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả 02 vụ kiện nêu trên.

34. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Văn phòng Công ty thuê nhà tại Số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 145/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 14 tháng 8 năm 2023 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 499.500.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.994.000.000	5.484.000.000
Cộng	**5.994.000.000**	**5.484.000.000**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ kèm theo

35. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong kỳ không bao gồm 6.736.111 VND là số tiền lãi phải thu trong kỳ mà chưa thu được, nhưng đã bao gồm 19.658.333 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong kỳ bao gồm 2.552.708.925 VND là số cổ tức các năm trước được thanh toán trong kỳ này. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong kỳ bao gồm 319.986.000 VND là số tiền đã được ứng trước cho nhà cung cấp để mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Lạc Thái Phước	**Phạm Hoàng Vinh**	**Nguyễn Trần Phương Thúy**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập biểu**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 8 năm 2024

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

Số: 3054/TVĐ3-KT

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 08 năm 2024

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên đã được soát xét và báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2024 so với cùng kỳ năm trước:

So sánh kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng năm 2024 và cùng kỳ năm 2023:

Stt	Chỉ tiêu	6 tháng năm 2023	6 tháng năm 2024	Chênh lệch	So sánh (%)
a	*b*	*c*	*d*	*e=d-c*	*f=e:c*
I	**Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên**				
1	Doanh thu thuần	47.096.792.078	49.472.578.802	2.375.786.724	5,04%
2	Lợi nhuận sau thuế	-2.068.236.287	1.064.374.889	3.132.611.176	151,46%
II	**Báo cáo tài chính tổng hợp**				
1	Doanh thu thuần	48.010.652.642	50.004.705.077	1.994.052.435	4,15%
2	Lợi nhuận sau thuế	-2.907.581.533	555.799.705	3.463.381.238	119,12%

Lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp 6 tháng đầu năm 2024 thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là: Doanh thu tài chính tăng và chi phí quản lý, bán hàng giảm nên lợi nhuận tăng so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp đã được soát xét 6 tháng đầu năm 2024./.

Trân trọng.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0301471102 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
QUẬN 3 - T.P HỒ CHÍ MINH

Lạc Thái Phước